

Số: 143/2023/QĐST-HNGĐ.

H.N, ngày 24 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.N tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24-7-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H.N;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 25-10-2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 161/2023/QĐPH-ST ngày 17-7-2023, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị N.T.T, sinh năm 1977; CMND số 030177000*** do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08-8-2014. Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, phường T.L, quận H.M, thành phố H.N. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Phòng 706 tòa nhà N2, chung cư Đ.T, phường T.L, quận H.M, Thành phố H.N. Có mặt.

- Anh M.K, sinh năm 1987; Quốc tịch: B; Hộ chiếu số EE7787*** do cơ quan có thẩm quyền B cấp ngày 12-11-2019. Địa chỉ: Thôn T, xã T, khu vực K, quận C, B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Anh M.K và Chị N.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận H.M, Thành phố H.N vào ngày 31-7-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Phòng 706 tòa nhà N2, chung cư Đ.T, phường T.L, quận H.M, Thành phố H.N. Đến khoảng tháng 4-2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, phong tục tập quán khác biệt. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01-2023. Nay anh M.K và chị N.T.T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị N.T.T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Chị N.T.T có mặt và trình bày giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị và trình bày: Sau khi ly thân, anh K đã đi đâu chị không nắm được. Anh M.K chỉ liên lạc để giải quyết việc ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để anh chị ổn định cuộc sống.

Anh M.K có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, Giấy ủy quyền và Đơn xin vắng mặt gửi đến Tòa án. Tại Kết luận giám định số 69/KL-KTHS ngày 28-3-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H.N kết luận: Chữ viết dòng họ tên M.K trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 với chữ viết dưới mục “Chồng” trên mẫu so sánh ký hiệu M là chữ do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.N. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố H.N nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là anh M.K là người nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố H.N thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M.K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh M.K và Chị N.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31-7-2018 tại Ủy ban nhân dân quận H.M, Thành phố H.N nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Phòng 706 tòa nhà N2, chung cư Đ.T, phường T.L, quận H.M, Thành phố H.N. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 01-2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Các đương sự đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh M.K và Chị N.T.T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc chị N.T.T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh M.K và chị N.T.T. Anh M.K và chị N.T.T chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh M.K và chị N.T.T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh M.K và chị N.T.T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ghi nhận việc chị N.T.T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0034727 ngày

17-10-2022 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.N. Chị N.T.T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 24-7-2023./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP.H.N;
- UBND q. Hoàng Mai, TP. H.N;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyễn